

Biên Hòa, ngày 28 tháng 9 năm 2022.

Số: 1842/2022/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 2393/2022/TLST-VHNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2022 về việc yêu cầu “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1989; cư trú tại: phường HA, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.
2. Ông Trương Văn B, sinh năm 1988; cư trú tại: xã Nam Cát T, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị U và ông Trương Văn B tự nguyện kết hôn với nhau năm 2009, được Ủy ban nhân dân phường Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 148/2009 ngày 19/11/2009.

Nay bà U, ông B xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông, bà cùng làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 02 con chung là cháu Trương Quỳnh Nh, sinh ngày 20/7/2010 và cháu Trương Quốc A, sinh ngày 14/06/2016. Ly hôn, hai bên thỏa thuận giao các con chung cho bà U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông B cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 3.000.000đồng (ba triệu đồng).

[3] Về tài sản chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Các đương sự xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Bà U, ông B phải chịu 300.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị U và ông Trương Văn B thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Trương Quỳnh Nh, sinh ngày 20/7/2010 và cháu Trương Quốc A, sinh ngày 14/06/2016 cho bà U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông B cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 3.000.000đồng (ba triệu đồng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông Trương Văn B không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con không ai cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị U và ông Trương Văn B chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền 0003949 ngày 14/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà U, ông B đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TP Biên Hòa (2);
- THADS TP Biên Hòa (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- Đương sự (2);
- Cơ quan quản lý đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ việc dân sự (1).

THẨM PHÁN

Lê Thị Nguyệt